

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT.

Ngày: 26-01-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền vận chuyển hành
khách và tranh chấp đòi lại tài
sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**;
ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: ông **Huỳnh Văn
Hảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLPT-KDTM ngày 15
tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền vận
chuyển hành khách và tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 38/2023/KDTM-ST ngày
29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2023/QĐXXPT-
KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

Địa chỉ: Số A đường P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông **Trần Văn K**, chức vụ:
Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Thành C**,
sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.
Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Địa chỉ: Số B đường N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: bà Trương Thị Hoàng A, chức vụ: Giám đốc và bà Trương Nguyễn Hoàng U, chức vụ: Phó Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Ngọc Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Số H đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Văn P là Luật sư của Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Số H đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn Công ty TNHH MTV T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH MTV T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T1 (nay là Công ty TNHH MTV T1, gọi tắt là Công ty T1) là đơn vị được quyền khai thác sử dụng phương tiện đường thủy nội địa (cano) H - C với số lượng 71 ghế. Ngày 28/4/2021, Công ty TNHH MTV T (gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa (cano) H - C với Công ty T1 về việc chuyển nhượng quyền khai thác 36 ghế trên phương tiện nêu trên. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 650.000.000 đồng và hai bên đã giao, nhận đầy đủ số tiền trên cùng ngày 28/4/2021.

Tuy nhiên, khi tiến hành làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền khai thác 36 ghế như trên thì được Sở Giao thông vận tải tỉnh Q thông báo không thể đăng ký chuyển nhượng số ghế từ Công ty T1 cho Công ty T. Do đó, Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa (cano) H - C không thể thực hiện được.

Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa (cano) H - C giữa Công ty T1 và Công ty T ký ngày 28/4/2021 vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được.

- Buộc Công ty T1 trả lại số tiền là 650.000.000 đồng mà hai bên đã giao nhận vào ngày 28/4/2021.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Công ty T đồng ý trả lại cano T1 38, số đăng ký: QNa - 0804 cho bị đơn.

Tại bản tự khai, các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Để thực hiện hoạt động kinh doanh, Công ty T1 có 03 cano cao tốc để vận chuyển hành khách. Cụ thể:

- Hoàng Hải X 38, số đăng ký: QNa - 0804 (H);
- Hoàng Hải X 02, số đăng ký: QNa - 0842 (H);
- Hoàng Hải X 09, số đăng ký: QNa - 0935 (H).

Cano cao tốc T1 38 được Công ty T1 nhận chuyển nhượng từ Công ty T và Công ty đã đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0804/ĐK ngày 27/3/2017 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Q; ngày 31/3/2017, Sở Giao thông vận tải tỉnh Q chấp nhận cho Công ty T1 được vận tải hành khách đường thủy theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc. Quá trình hoạt động, cano Hoàng Hải X 38 thường xuyên neo đậu tại Cảng Cửa Đ chồ T của Công ty T. Đến năm 2021, do các tiêu chuẩn về kinh doanh vận chuyển hành khách đối với cano cao tốc 18 chỗ, Công ty T1 có đề nghị ông Trần Văn K cho phép lấy cano Hoàng Hải X 38 để đưa ra Đà Nẵng sửa chữa và hoạt động. Tuy nhiên, ông K không cho Công ty T1 đưa cano Hoàng Hải X 38 ra khỏi Trường Đ1 và hiện nay cano Hoàng Hải X 38 đang nằm ở Trường Đ của Công ty T.

Đến năm 2021, hai Công ty trao đổi với nhau về việc Công ty T sẽ trả lại cano Hoàng Hải X 02 và cano Hoàng Hải X 38 cho Công ty T1, Công ty T1 sẽ chuyển nhượng lại quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa H - C cho Công ty T (*vì Công ty không có quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa H - C*).

Do cần lấy lại cano Hoàng Hải X 02 và cano Hoàng Hải X 38 để hoạt động kinh doanh nên ngày 28/4/2021, Công ty T1 ký kết Hợp đồng chuyển quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa H - C với Công ty T, giá chuyển nhượng là 650.000.000 đồng. Trong thời gian này, Công ty T làm thủ tục xuất hóa đơn trả lại chiếc cano Hoàng Hải X 38 cho Công ty T1 và thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế xuất bán cano Hoàng Hải X 02, QNa - 0842 giữa Công ty T1 với Công ty T; đồng thời, trả cano Hoàng Hải X 38 đang neo đậu tại Trường Đà của Công ty T cho Công ty.

Tuy nhiên, sau khi ký Hợp đồng chuyển quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa H - C, Công ty T không xuất hóa đơn, không chịu ký kết hợp đồng chuyển nhượng như đã cam kết. Ngoài ra, Công ty T1 và Công ty TNHH MTV D (*có trụ sở tại: Số B đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng*) qua đối chiếu công nợ để thanh toán tiền. Quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty D đã phát sinh công nợ với tổng số tiền là 262.000.000 đồng theo Bản cam kết công nợ ngày 28/10/2016. Khi yêu cầu thanh toán nợ, ông Đặng Song P1, Giám đốc Công ty TNHH MTV D có nói đã chuyển số tiền công nợ đó cho Công ty T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty T1 đồng ý thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa (*cano*) H - C giữa Công ty T1 và Công ty T ký ngày 28/4/2021. Tuy nhiên, đối với yêu cầu buộc Công ty T1 phải trả lại số tiền là 650.000.000 đồng thì Công ty T1 không đồng ý vì không nhận số tiền này.

Công ty T1 có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T trả lại cano Hoàng Hải X 38, số đăng ký: QNa - 0804 cho Công ty T1.

- Công ty T phải trả lại số tiền 262.000.000 đồng đã nhận từ ông Đặng Song P1, Giám đốc Công ty TNHH MTV D cho Công ty T1.

Ngày 10/02/2023 và tại phiên toà sơ thẩm, Công ty T1 xin rút một phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty T phải trả lại số tiền 262.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 38/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 1 Điều 218 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 131, Điều 385, điểm a khoản 2 Điều 398, khoản 1 Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T với bị đơn Công ty T1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa (*cano*) H - C giữa Công ty T1 và Công ty T ký ngày 28/4/2021 là vô hiệu. Buộc Công ty T1 trả lại cho Công ty T số tiền 650.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T1, buộc Công ty T trả lại cho Công ty T1.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố của Công ty T1 về việc buộc Công ty T phải trả lại số tiền 262.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2023, bị đơn Công ty T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 650.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty T1, thì thấy:

[2.1] Ngày 28/4/2021, giữa Công ty T và Công ty T1 đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa H - C, theo đó Công ty T1 chuyển nhượng cho Công ty T quyền khai thác 36 ghế, trong tổng số 71 ghế mà Công ty T1 được quyền khai thác, giá chuyển nhượng là 650.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại Công văn số 1838/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 06/6/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Q, thể hiện: “Theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Quốc hội; Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa, thì không có quy định chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện thủy nội địa”. Như vậy, quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa không phải là đối tượng được phép chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, không được cơ quan có thẩm quyền cho phép đăng ký chuyển nhượng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa H - C ngày 28/4/2021 giữa các bên vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật và các đương sự không kháng cáo đối với nội dung này.

[2.2] Bị đơn Công ty T1 không đồng ý trả cho Công ty T số tiền 650.000.000 đồng, vì cho rằng bị đơn không nhận số tiền này. Tuy nhiên, tại Điều 2 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận: “Việc giao nhận toàn bộ số vốn chuyển nhượng nêu trên do hai bên tự thực hiện ngay tại thời điểm ký hợp đồng” (*bút lục 07*) và tại Biên bản giao nhận tiền ngày 28/4/2021 thể hiện: “Nay, bên A (*Công ty T*) đã giao đủ, dứt điểm cho bên B (*Công ty T1*) số tiền còn lại là: 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Biên bản giao nhận tiền này được xem là chứng từ chứng minh việc giao và nhận tiền chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện vận tải đường thủy nội địa (*cano*) H - C nêu trên” (*bút lục 09*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty T đã thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho Công ty T1, từ đó buộc Công ty T1 phải trả lại số tiền 650.000.000 đồng cho Công ty T là có cơ sở.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn Công ty T1 phải chịu số tiền là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 38/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 131, 385 và 408 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại năm 2005; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác phương tiện đường thủy nội địa (*cano*) H - C, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (*nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1*) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T ký kết ngày 28/4/2021 vô hiệu.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 650.000.000 (*Sáu trăm năm mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007760 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/01/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo